

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Trụ sở chính: Số xxx B, phường L, quận H, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị N – Giám đốc xử lý nợ

Người được uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu Tiến A – Chuyên viên xử lý nợ

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Tăng B, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, H

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Hoàng Bình N, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, H

- **Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Tăng B, bà Nguyễn Thị Thanh T và anh Hoàng Bình N:** Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền là **3.583.032.958** đồng (*Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng*). Trong đó, nợ gốc là **1.408.337.000** đồng (*Một tỷ, bốn trăm linh tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*), nợ lãi trong hạn là **1.297.438.817** đồng (*Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm mười bảy đồng*), nợ lãi quá hạn là **877.257.141** đồng (*Tám trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi mốt đồng*) tính đến ngày 15/12/2020. Kể từ ngày 16/12/2020, ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 47159/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 09/4/2011 và Khế ước nhận nợ số 47159 ngày 09/4/2011, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 18/5/2012 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T đối với số tiền gốc chậm trả đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp, ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05 tại thôn V, xã V, huyện T, Thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 634686 do Ủy ban nhân dân huyện T, TP. H cấp ngày 07/12/2007 cho ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 08/4/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 08/4/2011 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm

không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

- **Về án phí:** Ông Hoàng Tăng B và bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp **51.830.000** đồng (*Năm mươi một triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần K **56.373.000** đồng (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2018/0012497 ngày 21/10/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trung Hòa